

**SALES CONTRACT**  
***HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA***

**BETWEEN**  
***GIỮA***

**CÔNG TY TNHH NUPLEX RESINS (VIETNAM) PTY. LTD**  
***CÔNG TY TNHH NUPLEX RESINS (VIỆT NAM)***

**AND**  
**VÀ**

**[CUSTOMER NAME IN ENGLISH (if any)]**  
**[CUSTOMER NAME IN VIETNAMESE (if any)]**

**Date/Ngày:** \_\_\_\_\_

---

**SALES CONTRACT**  
**HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA**  
**Contract Number/Số Hợp Đồng: [Number Sequence/Year/EX-NRVN]**

This Sales Contract (“**Contract**”) is made on \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ in \_\_\_\_\_, by  
and between the following parties:

*Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa này (“**Hợp Đồng**”) được ký kết vào ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_*

\_\_\_\_\_, tại \_\_\_\_\_, bởi và giữa các bên sau đây:

**THE SELLER: NUPLEX RESINS (VIETNAM) PTY., LTD.**

**BÊN BÁN: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NUPLEX RESINS (VIỆT NAM)**

Address/Địa chỉ: No. 1, Street 9A, Bien Hoa II Industrial Park, Dong Nai Province, Vietnam  
*Số 1, Đường 9A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Tax code/MST: 3600240425

Tel/Điện thoại: +84 613 836 503 Fax: +84 613 836 633

Represented by/Đại diện bởi: Mr./Ông **Jason Triggs**  
Commercial Director/*Giám Đốc Kinh Doanh*

Bank account information/  
Thông tin tài khoản ngân hàng:

Name of Beneficiary/  
Tên người thụ hưởng: Nuplex Resins (Vietnam) Pty., Ltd.  
*Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Nuplex Resins (Việt Nam)*

Bank account No. (USD)/  
Số tài khoản (USD): 001-100528-101

Bank/Ngân hàng: HSBC VIETNAM - HO CHI MINH CITY BRANCH/  
*NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH*

Bank address/  
Địa chỉ ngân hàng: The Metropolitan, 235 Dong Khoi Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
*The Metropolitan, 235 Đường Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Swift code/Mã swift: HSBCVNVX

**AND/VÀ**

**THE BUYER:** \_\_\_\_\_

**BÊN MUA:** \_\_\_\_\_

Address/Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Tax code/MST: \_\_\_\_\_

Tel/Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax : \_\_\_\_\_

Represented by/Đại diện bởi: \_\_\_\_\_

Bank account information/

Thông tin tài khoản ngân hàng:

Name of Beneficiary/

Tên người thụ hưởng: \_\_\_\_\_

Bank account No. (USD)/

Số tài khoản (USD): \_\_\_\_\_

Bank/Ngân hàng: \_\_\_\_\_

Bank address/

Địa chỉ ngân hàng: \_\_\_\_\_

Swift code/Mã swift: \_\_\_\_\_

The Seller and the Buyer hereafter referred to individually as “**Party**” or collectively as “**Parties**”.

*Bên Bán và Bên Mua sau đây được gọi riêng là “**Bên**” hoặc gọi chung là “**các Bên**”.*

After discussion, both Parties have mutually agreed to sign this Contract with the terms and conditions as follows:

*Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai bên đồng ý ký kết Hợp Đồng này với những điều kiện và điều khoản như sau:*

## **Article 1: Definitions and interpretation**

### **Điều 1: Các định nghĩa và giải thích**

1.1 In the context of this Contract, the following terms shall have the following meanings unless the context clearly requires otherwise:

*Trong ngữ cảnh của Hợp Đồng này, trừ khi các ngữ cảnh có yêu cầu khác đi, các thuật ngữ dưới đây sẽ được giải thích như sau:*

- (a) “**Business Day**” means a day other than Saturday, Sunday and holidays;  
“**Ngày Làm Việc**” nghĩa là một ngày không phải ngày thứ bảy, chủ nhật và

ngày lễ;

- (b) “**Contract**” means this sales contract, annexes, exhibits attached hereto and their amendments as agreed in writing by the Parties;  
“**Hợp Đồng**” có nghĩa là hợp đồng mua bán hàng hóa này, biên bản, phụ lục, bảng biểu đính kèm cũng như các sửa đổi của chúng được các Bên thỏa thuận bằng văn bản;
- (c) “**Purchase Price**” means the price for sale and purchase of the Goods as agreed by the Parties and mentioned in Article 4 of this Contract and Annex 1 hereto;  
“**Giá Mua**” nghĩa là giá mua bán Hàng Hóa được các Bên thống nhất và đề cập tại Điều 4 và Phụ lục 1 của Hợp đồng này;
- (d) “**USD**” means United States Dollar, the lawful currency of the United States of America;  
“**USD**” nghĩa là Đô La Mỹ, đơn vị tiền tệ hợp pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ;
- (e) “**VND**” means Vietnam Dong, the lawful currency of the Socialist Republic of Vietnam.  
“**VND**” nghĩa là Đồng Việt Nam, đơn vị tiền tệ hợp pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- 1.2 The titles of this Contract are created for reference and shall not be used to for the interpretation of this Contract.  
*Các đề mục của Hợp Đồng này được đặt ra chỉ nhằm mục đích tham chiếu và sẽ không được sử dụng để diễn giải Hợp Đồng này.*
- 1.3 Any reference to Articles and Annexes means a reference to the Articles and Annexes of this Contract.  
*Sự tham chiếu đến các Điều và Phụ lục là tham chiếu đến các Điều và Phụ lục của Hợp Đồng này.*

## **Article 2: Subject of the Contract**

### **Điều 2: Đối tượng của Hợp Đồng**

The subject of this Contract is particularly the obligation of the Seller to deliver Goods specified in the Annex 1 enclosed hereto (“**Annex 1**”) to the Buyer under the terms and conditions herein and the obligation of the Buyer to accept the delivery of the Goods from the Seller and to pay the Purchase Price as agreed at Article 4.1 thereof.

*Đối tượng của Hợp Đồng này là Bên Bán thực hiện nghĩa vụ giao Hàng Hóa được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 (“**Phụ Lục 1**”) cho Bên Mua theo các điều khoản và điều kiện được quy định tại Hợp Đồng này và đồng thời Bên Mua có nghĩa vụ chấp nhận Hàng Hóa do Bên Bán giao và thanh toán theo Giá Mua đã thống nhất tại Điều 4.1 của Hợp Đồng này.*

## **Article 3: Goods Specification**

### **Điều 3: Hàng Hóa**

The Seller hereby agrees to supply and deliver the Goods to the Buyer with the quality, quantity

and specifications as specified in Annex 1 hereunder.

*Bên Bán theo đây đồng ý cung cấp và giao Hàng Hóa cho Bên Mua với chất lượng, số lượng và đặc điểm kỹ thuật được quy định cụ thể tại Phụ Lục 1 của Hợp Đồng này.*

#### **Article 4: Price and Payment**

##### **Điều 4: Giá cả và Thanh toán**

- 4.1 The Purchase Price shall be stated in Annex 1 hereto.  
*Giá Mua sẽ được quy định tại Phụ Lục 1 của Hợp Đồng này.*
- 4.2 The Buyer shall pay to the Seller 100% of the Purchase Price by telegraphic transfer in advance within 02 (two) days as from the signing date of this Contract OR by telegraphic transfer within 02 (two) days after receiving the Goods from the Seller and the payment for the Goods shall be made in the manner as described in Annex 1. The Purchase Price shall be made to the Seller by the Buyer through the bank account of the Seller as designated at the first page of this Contract.  
*Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên Bán 100% Giá Mua bằng điện chuyển tiền trước trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này HOẶC bằng điện chuyển tiền trong vòng 02 (hai) ngày kể từ khi nhận được Hàng Hóa từ Bên Bán và việc thanh toán cho Hàng Hóa sẽ được thực hiện theo phương thức được quy định tại Phụ Lục 1. Giá Mua sẽ được Bên Mua thanh toán cho Bên Bán vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán như được quy định tại trang đầu của Hợp Đồng này.*
- 4.3 Bank charges on payment of the Purchase Price to the Seller shall be on the Buyer's account.  
*Các khoản phí ngân hàng đối với việc thanh toán Giá Mua cho Bên Bán sẽ do Bên Mua chịu.*
- 4.4 The Seller is entitled to adjust the Purchase Price of the Goods by way of giving a written notice to the Buyer within 02 (two) days up to the proposed date of increase of the Purchase Price, in the event of taking into account of any following item resulting in the increase of the costs as follows:  
*Bên Bán có quyền điều chỉnh Giá Mua của Hàng Hóa bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Mua trong vòng 02 (hai) ngày cho đến ngày dự kiến tăng Giá Mua, trong trường hợp xem xét đến bất cứ yếu tố sau đây nào dẫn đến việc tăng các loại chi*

phí:

- (a) Freight, including cost of over-carriage;  
*Phí vận chuyển, bao gồm cước phí vận chuyển tăng cao;*
- (b) Insurance;  
*Phí bảo hiểm;*
- (c) Exchange rates;  
*Tỷ giá quy đổi;*
- (d) Raw material cost increase;  
*Tăng chi phí nguyên liệu thô;*
- (e) Manufacturing cost increases;  
*Tăng chi phí sản xuất;*
- (f) Quarantine, customs or port charges, demurrage; and  
*Phí kiểm dịch, thông quan hoặc phí bến cảng, neo đậu quá thời hạn; và*
- (g) Duty, charge or levy in respect of the import of the Goods or charges in the classification of the Goods for customs purposes.  
*Thuế, phí hoặc lệ phí đối với việc nhập khẩu Hàng Hóa hoặc phí phân loại Hàng Hóa cho mục đích thông quan.*

4.5 In case of paying the Purchase Price by telegraphic transfer after receiving the Goods, in the Seller's opinion, the Buyer's financial status is or becomes unsatisfactory to the Seller, the Seller is entitled to require the payment of the Purchase Price in advance, or security for the Purchase Price in respect of all future deliveries and/or for Goods previously delivered for which payment has not been made by the Buyer.

*Trong trường hợp thanh toán Giá Mua bằng điện chuyển tiền sau khi nhận Hàng Hóa, theo ý kiến của Bên Bán, tình hình tài chính của Bên Mua là hoặc trở lên không đáp ứng được yêu cầu của Bên Bán, Bên Bán có quyền yêu cầu thanh toán trước Giá Mua hoặc có các biện pháp bảo đảm thanh toán Giá Mua đối với các đợt giao hàng trong tương lai và/hoặc Hàng Hóa đã được giao trước đây mà chưa được Bên Mua thanh toán.*

4.6 New shipment is arranged only after Buyer's full payment of due invoices.

*Đợt chuyển hàng tiếp theo sẽ chỉ được thực hiện khi Bên Mua thanh toán đầy đủ tất cả các hóa đơn đến hạn.*

## **Article 5: Delivery and shipment schedule**

### ***Điều 5: Kế hoạch vận chuyển và giao hàng***

5.1 The time schedule of shipments (“**Shipment Schedule**”) shall be specified in Annex 1 hereunder.

*Kế hoạch vận chuyển hàng hóa (“**Kế Hoạch Vận Chuyển**”) sẽ được quy định cụ thể trong Phụ Lục 1 dưới đây.*

Any change in the Shipment Schedule must be notified to the Buyer by the Seller via

email or any other form of express written communication at least 15 (fifteen) Business Days prior to the originally proposed schedule.

*Bất kỳ sự thay đổi nào về Kế Hoạch Vận Chuyển đều phải được Bên Bán thông báo cho Bên Mua bằng thư điện tử hoặc các hình thức thông tin nhanh chóng khác bằng văn bản ít nhất là 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước lịch đã được đề xuất ban đầu.*

- 5.2 The Goods shall be delivered to the Buyer by the Seller at the Buyer's warehouse or the Seller's warehouse or any other places of the third party designated by the Buyer as stipulated at Annex 1 hereof. All responsibilities or risks with respect to the Goods shall be passed to the Buyer from the time of delivery of the Goods as provided by this Article.

*Hàng Hóa sẽ được Bên Bán giao cho Bên Mua tại nhà kho của Bên Mua hoặc tại nhà kho của Bên Bán hoặc tại bất kỳ địa điểm nào khác của bên thứ ba do Bên Mua chỉ định được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này. Tất cả trách nhiệm và rủi ro đối với Hàng Hóa sẽ được Bên Bán chuyển giao cho Bên Mua kể từ thời điểm giao Hàng Hóa theo quy định của Điều này.*

- 5.3 In case where the Goods are delivered with the shortage of the quantity of the Goods by the Seller, the Buyer has the right to refuse the partial delivery. If the Buyer accepts the partial delivery, the Seller shall have to deliver the Goods in shortage within the reasonable period of time as agreed by the Parties.

*Trong trường hợp Bên Bán giao thiếu số lượng Hàng Hóa, Bên Mua có quyền từ chối việc giao chưa đủ số lượng như vậy. Nếu Bên Mua chấp nhận việc giao hàng như vậy, Bên Bán sẽ phải giao số Hàng Hóa còn thiếu trong một khoảng thời gian hợp lý theo thỏa thuận của các Bên.*

- 5.4 In case the quantity of goods cannot be defined (delivery by Iso tank or Flexibags), the quantity tolerance is +/-50kg. The actual delivery quantity is clarified in Packaging list and Invoice.

*Trường hợp số lượng giao hàng không thể xác định (giao bằng Iso tank hay Flexibag), sai số giao hàng cho phép là +/- 50kgs. Khối lượng thực tế được thể hiện bằng Phiếu đóng gói và Hoá đơn.*

- 5.5 Any and all the containers and/or any other devices used for delivering the Goods to the Buyer by the Seller shall remain the sole property of the Seller unless such containers and/or other devices are accounted into the Purchase Price of the Goods. The containers and/or any other devices must be returned to the Seller by the Buyer in a good condition and quality like those at the time of delivery within the reasonable period of time notified by the Seller. Any loss or no return in respect of the containers and/or any other devices will be compensated to the Seller by the Buyer with the market price of a new container and/or such other devices.

*Bất kỳ và tất cả các công-ten-nơ và/hoặc bất cứ thiết bị nào khác được sử dụng để Bên Bán giao Hàng Hóa cho Bên Mua vẫn thuộc tài sản duy nhất của Bên Bán trừ phi các công-ten-nơ và/hoặc thiết bị khác đó đã được tính vào Giá Mua của Hàng Hóa. Các công-ten-nơ và/hoặc bất cứ thiết bị nào khác phải được Bên Mua hoàn trả cho Bên Bán trong tình trạng và chất lượng tốt như tại thời điểm giao Hàng Hóa trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên Bán. Bất kỳ sự mất mát hay không trả lại nào đối với công-ten-nơ và/hoặc bất cứ thiết bị nào khác sẽ được Bên Mua bồi thường cho Bên Bán theo*



giá thị trường của công-ten-nơ và/hoặc thiết bị mới như vậy.

- 5.6 In the case where the Goods are delivered to the Buyer with the confirmation of the Buyer and the Buyer does not require to receive the Goods any more and the Goods are in the same condition as they were when delivered, within 10 (ten) Business Days from the date of delivery of the Goods, the Buyer may return the Goods to the Seller and the Seller, at its own discretion, shall be entitled to (not be obliged to) accept such returning of the Goods from the Buyer. In case the Seller accepts the returning of the Goods from the Buyer, any and all the costs, fees or charges incurred from or being relevant to such returning of the Goods from the Buyer to the Seller including but not limited to freight and insurance costs, shall be borne by the Buyer in all the cases and the Buyer shall return all the legal relevant documents including but not limited to value added tax invoice issued to the Buyer, delivery note, etc.

*Trong trường hợp Hàng Hóa được giao đến cho Bên Mua có xác nhận của Bên Mua và Bên Mua không muốn nhận Hàng Hóa nữa và tình trạng hàng hoá còn duy trì nguyên vẹn như lúc giao ban đầu, trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày giao Hàng Hóa, Bên Mua có thể trả lại Hàng Hóa cho Bên Bán và Bên Bán, bằng quyền quyết định riêng biệt của mình, sẽ có quyền (không phải bắt buộc) chấp nhận việc hoàn trả Hàng Hóa của Bên Mua. Trong trường hợp Bên Bán chấp nhận việc hoàn trả Hàng Hóa từ Bên Mua, bất kỳ và toàn bộ phí, chi phí nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc hoàn trả Hàng Hóa của Bên Mua cho Bên Bán bao gồm nhưng không giới hạn chi phí vận chuyển và chi phí bảo hiểm, đều sẽ do Bên Mua chịu trong mọi trường hợp và Bên Mua sẽ phải hoàn trả tất cả các giấy tờ pháp lý có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất cho Bên Mua, biên bản giao nhận hàng, ....*

## **Article 6: Warranty**

### **Điều 6: Bảo hành**

- 6.1 The Seller shall not be responsible for the defects arising out of the failure to follow operation instructions, for the defects caused by improper storage after the Goods were delivered or for the defects caused by circumstances that were beyond the reasonable control of the Seller.

*Bên Bán sẽ không chịu trách nhiệm đối với các khiếm khuyết phát sinh do việc không tuân thủ theo hướng dẫn sử dụng của Bên Bán hoặc các khiếm khuyết xảy ra do bảo quản không hợp lý sau khi Hàng Hóa đã được giao hoặc các khiếm khuyết xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Bên Bán.*

- 6.2 The Buyer shall, immediately upon delivery of the Goods by the carrier, duly examine the Goods and if the defects of Goods were apparent upon the collection of Goods, the Buyer shall promptly give a written notice to the Seller within 07 (seven) Business Days as from the delivery date under the Purchase Order. The notices on the defects of the Goods sent to the Seller by the Buyer as required by this Article must be attached together with picture of such defects.

*Bên Mua sẽ, ngay sau khi nhận Hàng Hóa bằng phương tiện vận chuyển, phải kiểm tra Hàng Hóa và nếu các khiếm khuyết của Hàng Hóa là dễ nhận biết khi nhận Hàng Hóa, Bên Mua phải thông báo bằng văn bản cho Bên Bán trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày giao hàng theo Đơn Đặt Hàng. Các thông báo về khiếm khuyết về Hàng Hóa được Bên Mua gửi cho Bên Bán theo quy định của Điều này phải kèm theo hình*

ảnh của kiểm khuyết đó.

- 6.3 Should the Buyer discover any defects of the Goods within the period of time for each type of the Goods as set forth by the Seller in the Annex 1 of this Contract (“**Warranty Period**”), the Buyer shall give written notice of the defect to the Seller right after such defect had been detected. At that time, the Seller, at its own decision and judgment on such defect, shall replace of defective Goods by delivery of non-defective Goods or demand to repair the defective Goods if the defects are repairable. The Seller, upon receipt a notice from the Buyer stating the defect, shall give a written statement and reply whether he accepts the claim for defects or not within 07 (seven) Business Days from the date of receipt of the written notice of the Buyer.

*Trong trường hợp Bên Mua phát hiện ra kiểm khuyết của Hàng Hóa trong thời hạn được Bên Bán quy định đối với từng chủng loại Hàng Hóa tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này (“**Thời Hạn Bảo Hành**”), Bên Mua sẽ gửi thông báo bằng văn bản về các kiểm khuyết đó cho Bên Bán ngay khi phát hiện ra kiểm khuyết như vậy. Khi đó, Bên Bán, theo quyết định và đánh giá của mình về kiểm khuyết đó, sẽ thay thế Hàng Hóa bị lỗi cho Bên Mua bằng cách giao một loại Hàng Hóa khác không bị lỗi hoặc yêu cầu khắc phục kiểm khuyết đó nếu Hàng Hóa bị lỗi có thể khắc phục được. Bên Bán, khi nhận được thông báo từ Bên Mua nêu về kiểm khuyết, sẽ trả lời bằng văn bản cho Bên Mua về việc có chấp nhận đối với kiểm khuyết này hay không trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Bên Mua.*

## **Article 7: Intellectual Properties**

### **Điều 7: Quyền sở hữu trí tuệ**

- 7.1 The Buyer agrees at all time that the Seller has full rights to the designs, processes, know-how or any other subjects of intellectual properties (“**Seller’s Intellectual Properties**”) provided to the Buyer during the sale and purchase of the Goods. The provision of the Seller’s Intellectual Properties under this Contract shall in no case constitute the transfer of the Seller’s Intellectual Properties to the Buyer. The Buyer shall not use any products using the Seller’s Intellectual Properties for its own or for sale to any other third parties without the Seller’s written consent or submit application for protection with regard to the Seller’s Intellectual Properties in Vietnam or elsewhere. The Buyer shall use its best efforts to facilitate the application of the Seller for protection of the Seller’s Intellectual Properties in Vietnam. The Buyer will inform the Seller of any infringement of Seller’s Intellectual Properties promptly and take necessary actions to stop the infringement and assist the Seller in taking action against such infringement.

*Bên Mua đồng ý vào bất kỳ thời điểm nào, Bên Bán đều có toàn quyền đối với thiết kế, quy trình, bí quyết kỹ thuật hay bất kỳ đối tượng nào khác của quyền sở hữu trí tuệ (“**Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán**”) cung cấp cho Bên Mua trong quá trình mua bán Hàng Hoá. Việc cung cấp Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán theo Hợp đồng này sẽ không tạo thành việc chuyển giao Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán cho Bên Mua. Bên Mua sẽ không sử dụng bất kỳ sản phẩm nào mà sử dụng Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán cho chính mình hoặc cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên Bán hoặc nộp đơn xin bảo hộ liên quan đến Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán tại Việt Nam hay tại nơi khác. Bên Mua sẽ cố gắng hết sức mình để tạo điều kiện cho việc nộp đơn của Bên Bán để bảo hộ các Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán tại Việt Nam. Bên Mua sẽ thông báo kịp thời cho Bên Bán về bất kỳ hành vi xâm phạm sở hữu trí tuệ nào đối với Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán và có những hành động cần*

*thiết để ngăn chặn sự xâm phạm đó và hỗ trợ Bên Bán trong hành động chống lại hành vi xâm phạm như vậy.*

- 7.2 If the Buyer makes any modification or variation to the Seller's Intellectual Properties, the intellectual right to modification or variation shall belong to the Seller. The Buyer shall not use the modified or varied version of the Seller's Intellectual Properties for any purpose (including but not limited to the using of the products for any parties) without written consent from the Seller.

*Nếu Bên Mua thực hiện bất kỳ sửa đổi hoặc thay đổi nào đối với Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán, quyền trí tuệ để sửa đổi hoặc thay đổi đó sẽ thuộc về Bên Bán. Bên Mua sẽ không sử dụng các phiên bản đã sửa đổi hoặc thay đổi của Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Của Bên Bán với bất kỳ mục đích nào (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng các sản phẩm cho bất kỳ các bên) mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên Bán.*

- 7.3 Under no circumstance are the Seller's logos, labels, trademarks, advertising images to be used or reproduced by the Buyer without prior consent in writing from the Seller.

*Trong mọi trường hợp, các biểu tượng, nhãn hiệu, thương hiệu, hình ảnh quảng cáo của Bên Bán được sử dụng hoặc tái tạo bởi Bên Mua đều phải có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Bán.*

## **Article 8: Representations and Warranties of the Parties**

### **Điều 8: Cam kết và bảo đảm của các Bên**

- 8.1 The Seller commits that manufacturing and trading the Goods by the Seller has strictly complied with the current regulations of the laws of Vietnam, including but limited to acquisition of any permit, approval and license from the competent State bodies with respect to such manufacturing and trade of the Goods.

*Bên Bán cam kết rằng việc sản xuất và kinh doanh Hàng Hóa của Bên Bán đã tuân thủ nghiêm chỉnh đúng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn đến việc có được tất cả các giấy phép, chấp thuận, phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối việc sản xuất và kinh doanh Hàng Hóa như vậy.*

- 8.2 The Buyer has sufficient financial resource to pay the Purchase Price to the Seller in accordance with the payment schedule as stipulated at Article 4 of this Contract.

*Bên Mua có đủ nguồn tài chính để thanh toán Giá Mua cho Bên Bán theo đúng lịch thanh toán được quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này.*

- 8.3 This Contract is duly and legally signed by the authorized representative of the Parties and establishes a binding obligation and legal effect on the Parties, may be enforceable to the Parties under the terms of this Contract.

*Hợp Đồng này được ký kết một cách hợp pháp và hợp lệ bởi người đại diện có thẩm quyền của các Bên và xác lập một nghĩa vụ ràng buộc, có hiệu lực và hợp pháp của các Bên, có thể thực thi đối với các Bên theo các điều khoản của Hợp Đồng này.*

## **Article 9: Health and Safety**

### **Điều 9: Sức khỏe và An toàn**

- 9.1 The Buyer shall comply with any and all the health and safety regulations and/or rules relating to the storage and use of the Goods published by the Seller. In case there is any information or signal indicating on potential harm or hazard relating to the Goods

supplied to the Buyer, the Buyer shall inform its agents, employees, customers and the like of such information or signal.

*Bên Mua phải tuân thủ với bất kỳ và toàn bộ các quy định và/hoặc quy tắc về sức khỏe và an toàn liên quan đến việc bảo quản và sử dụng Hàng Hóa do Bên Bán công bố. Trong trường hợp có thông tin hoặc biểu hiện nào thể hiện rằng có nguy hại hoặc nguy hiểm tiềm tàng liên quan đến Hàng Hóa cung cấp cho Bên Mua, Bên Mua sẽ thông báo cho đại lý, nhân viên, khách hàng hoặc tương tự của Bên Mua về các thông tin hoặc biểu hiện đó.*

- 9.2 Notwithstanding the foregoing, the Buyer shall make its great efforts to take any and all precautions and appropriate actions to prevent the potential hazard or harm, if any, during the storage and use of the Goods.

*Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Bên Mua sẽ nỗ lực hết sức để áp dụng bất kỳ và tất cả các biện pháp phòng ngừa và các hành động thích hợp để ngăn chặn các nguy hiểm hoặc nguy hại, nếu có, trong quá trình bảo quản và sử dụng Hàng Hóa.*

- 9.3 The Seller shall not take any responsibility and the Buyer shall indemnify and hold the Seller harmless from any claim, demand, liability, obligation, damage, loss, penalty, lawsuit or proceedings arising out or in connection with any action or non-action of the Buyer being contrary to the health and safety regulations and/or rules published by the Seller in accordance with Article 9.1 thereof.

*Bên Bán sẽ không chịu trách nhiệm và Bên Mua sẽ bồi thường và giữ cho Bên Bán không bị thiệt hại đối với bất kỳ và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, tổn thất, hình phạt, khiếu kiện, tố tụng phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành động hoặc không hành động nào của Bên Mua trái với các quy định và/hoặc quy tắc về sức khỏe và an toàn do Bên Bán công bố theo Điều 9.1 của Hợp Đồng.*

## **Article 10: Buyer's responsibilities due to breach of the Contract**

### ***Điều 10: Trách nhiệm của Bên Mua do vi phạm Hợp Đồng***

The Seller shall, at its own discretion, be entitled to withhold any deliveries ordered by the Buyer, terminate this Contract pursuant to Article 12.2 hereof and subsequently, any or all, the whole or part of the Purchase Price shall immediately become due whether unpaid or not payable without prejudice to any Seller's rights under this Contract in case one of the following events occurs:

*Theo quyết định của riêng mình, Bên Bán được quyền thu hồi bất kỳ đơn hàng nào do Bên Mua đặt hàng, chấm dứt Hợp Đồng này theo Điều 12.2 của Hợp Đồng này và theo đó bất kỳ hoặc tất cả, toàn bộ hoặc một phần Giá Mua sẽ đến hạn thanh toán ngay lập tức cho dù chưa thanh toán hay chưa phải thanh toán trên cơ sở không gây phương hại đến bất kỳ quyền nào của Bên Bán theo Hợp Đồng này khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:*

- 10.1 The Buyer fails to make due payment to the Seller pursuant to Article 4 hereof;  
*Bên Mua không thực hiện thanh toán đúng hạn cho Bên Bán theo Điều 4;*
- 10.2 The Buyer breaches any provisions of this Contract;  
*Bên Mua vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này;*
- 10.3 The Buyer suffers execution against it, or a mortgage or agent of a mortgage enters into possession of all or any part of the Buyer's property; and  
*Bên Mua bị thi hành án, hoặc một bên nhận cầm cố hoặc đại diện của một bên nhận*



*cầm cố nhằm sở hữu tất cả hoặc một phần tài sản của Bên Mua; và*

- 10.4 In case of being a company, the Buyer falls into bankruptcy state, makes any composition or arrangement with creditors, passes any resolution or takes any step in connection with the appointment of an administrator or liquidator or any step is taken by the holder of a security of all or any of the property of the Buyer to enforce its security.

*Trong trường hợp Bên Mua là công ty, Bên Mua lâm vào tình trạng phá sản, cơ cấu lại khoản nợ hoặc giãn nợ với các chủ nợ, thông qua bất kỳ nghị quyết hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào liên quan đến việc chỉ định người quản lý tài sản hoặc người thanh lý tài sản hoặc bất kỳ hành động nào do người nắm giữ tài sản đảm bảo thực hiện đối với tất cả hoặc bất kỳ tài sản nào của Bên Mua để thi hành biện pháp bảo đảm.*

## **Article 11: Force Majeure**

### **Điều 11: Sự kiện bất khả kháng**

- 11.1 Neither Party shall be liable for any delay or failure to implement this Contract or incapable of implementing this Contract to the other Party for any events which such Party cannot foresee and avoid including but not limited to storm, earthquake, flood, fire, war or any natural disasters which cannot be foreseen and occur beyond the control of such Party (“**Force Majeure**”).

*Không Bên nào phải chịu trách nhiệm về việc chậm trễ hoặc không thực hiện Hợp Đồng này hoặc không thể thực hiện Hợp Đồng này đối với Bên kia nếu xảy ra các sự kiện mà Bên này không thể lường trước được hoặc tránh được, bao gồm nhưng không giới hạn bão, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc các thảm họa thiên nhiên khác mà không thể lường trước được hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát của Bên này (“**Sự Kiện Bất Khả Kháng**”).*

- 11.2 Within 05 (five) Business Days after occurrence of the Force Majeure, the Party shall inform the other Party of such Force Majeure and make reasonable effort to overcome or minimize the effects of the Force Majeure and in all cases, within 90 (ninety) Business Days after such Force Majeure ends, and both sides shall continue to implement this Contract under the terms and conditions hereunder.

*Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc sau khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, các Bên sẽ thông báo cho Bên kia về Sự Kiện Bất Khả Kháng và nỗ lực hợp lý để khắc phục hoặc tối thiểu hóa các tác động của Sự Kiện Bất Khả Kháng và trong mọi trường hợp, trong vòng 90 (chín mươi) Ngày Làm Việc sau khi chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong Hợp Đồng này.*

- 11.3 If the Force Majeure continues for more than 06 (six) months starting on the day the Force Majeure Event starts, either Party may terminate this Contract by giving a 30 (thirty) Business Days advance notice to the other Party.

*Nếu Sự Kiện Bất Khả Kháng vẫn tiếp diễn trong hơn 6 (sáu) tháng kể từ ngày Sự Kiện Bất Khả Kháng bắt đầu xảy ra, mỗi Bên có thể chấm dứt Hợp Đồng này bằng cách gửi*

văn bản thông báo trước 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc cho Bên kia.

## **Article 12: Term, Renewal and Termination**

### **Điều 12: Thời Hạn, Gia Hạn và Kết Thúc**

- 12.1 This Contract shall become effective from the date when the Parties agree and sign in this Contract (“**Effective Date**”) and remain effective within 01 (one) year since the Effective Date (the “**Effective Term**”) unless otherwise early terminated by the Parties. *Hợp Đồng này sẽ phát sinh hiệu lực kể từ ngày các Bên thống nhất và ký vào Hợp đồng này (“Ngày Hiệu Lực”) và giữ nguyên hiệu lực trong vòng 01 (một) năm kể từ Ngày Hiệu Lực (“Thời Hạn Hiệu Lực”) trừ trường hợp được các Bên chấm dứt sớm hơn thời hạn.*
- 12.2 It is hereby agreed that the Parties entered into a precontractual relationship on \_\_\_\_\_. For avoidance of doubt, this Contract shall also apply to the terms and conditions that the Parties have contracted as from such date. *Các Bên theo đây thống nhất rằng các Bên đã xác lập mối quan hệ tiền hợp đồng vào ngày\_\_ tháng\_\_ năm\_\_\_. Để tránh hiểu nhầm, Hợp Đồng này cũng sẽ được áp dụng đối với tất cả các thỏa thuận mà các Bên đã giao kết kể từ ngày đó.*
- 12.3 Notwithstanding the foregoing, this Contract will be terminated upon the occurrence of one or more of the following circumstances: *Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau đây:*
- a) When a Party fails to remedy any breach or default in compliance or implementation any provisions of this Contract within 30 (thirty) Business Days from the notice date of the other Party of the breach or default. *Khi một Bên không khắc phục vi phạm hoặc lỗi trong việc tuân thủ hoặc thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày có thông báo của Bên kia về lỗi hoặc sự vi phạm đó.*
- b) In case a Party goes into bankruptcy or winding up (except for the purposes of reconstruction) or be required to declare bankruptcy or insolvent, or in the event of any sequestration of such Party by governmental authority *Trong trường hợp một Bên bị phá sản hoặc giải thể (trừ trường hợp nhằm tái cơ cấu) hoặc bị yêu cầu tuyên bố phá sản hoặc mất khả năng thanh toán hoặc trong trường hợp Bên đó bị tịch thu tài sản bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*
- 12.4 This Contract may be terminated early by the written agreement of the Parties. Any Party, at any time, shall have the right to send a prior written notice to the other Party for a period of at least 30 (thirty) Business Days as from the proposed date of terminating this Contract. *Hợp Đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn theo sự thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên. Bất kỳ Bên nào, vào bất cứ lúc nào, cũng có quyền gửi thông báo trước bằng văn bản cho Bên kia trong thời hạn ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày dự định chấm dứt Hợp Đồng này.*
- 12.5 Terminating this Contract, at any reason, shall not release the payment obligation of

any due amount from the Buyer to the Seller or not be the legal ground for making the payment obligations of the Buyer made before the Contract is terminated get void or not be the legal ground for exempting other obligations from the Buyer after the Contract is terminated.

*Việc chấm dứt Hợp Đồng này, vì bất kỳ lý do gì, cũng sẽ không miễn trừ cho Bên Mua nghĩa vụ thanh toán đối với bất kỳ khoản thanh toán đến hạn nào cho Bên Bán, hoặc sẽ không phải là cơ sở pháp lý làm vô hiệu nghĩa vụ thanh toán mà Bên Mua đã thực hiện trước thời điểm Hợp Đồng bị chấm dứt, hoặc sẽ không là cơ sở pháp lý miễn trừ cho Bên Mua các nghĩa vụ còn lại sau khi Hợp Đồng này bị chấm dứt.*

- 12.6 Terminating this Contract shall not release the right to claim or request of the Seller to the Buyer relating any obligation or responsibility arising from or in connection with this Contract and other responsibilities or obligations arising from the violations of the Buyer.

*Việc kết thúc Hợp Đồng này sẽ không làm mất đi bất kỳ quyền khiếu nại hay yêu cầu nào của Bên Bán đối với Bên Mua liên quan đến bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này cũng như bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào khác phát sinh do các hành vi vi phạm của Bên Mua.*

### **Article 13: Governing law and dispute resolution**

#### **Điều 13: Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp**

- 13.1 This Contract shall be interpreted and governed by the laws of Vietnam. Accordingly, the Civil Code 2005, Law on Commerce 2005, Law on Intellectual Property and their legal guiding instruments for implementation will be applied for each aspect of this sales contract.

*Hợp Đồng này được diễn giải và chịu sự điều chỉnh của luật pháp Việt Nam. Theo đó, Luật Dân Sự 2005, Luật Thương Mại 2005, Luật Sở Hữu Trí Tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.*

- 13.2 The Parties agree that any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be settled in good faith and in an amicable way. If any arising disputes cannot be settled by negotiation, each Party shall be entitled to refer the dispute to the Vietnam International Arbitration Center (“VIAC”) in adjacent to the Chamber of Commerce and Industry of Vietnam in accordance with its Arbitration Rules. The Arbitral Tribunal shall include three (03) arbitrators which are appointed in accordance with VIAC’s Arbitration Rules.

*Các Bên thỏa thuận rằng mọi vấn đề phát sinh sẽ được các bên thương lượng hòa giải một cách thiện chí, trung thực và hợp tác. Nếu bất cứ vấn đề phát sinh nào không thể giải quyết bằng thương lượng, thì một trong hai Bên có quyền đưa vấn đề đó ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của VIAC. Hội đồng trọng tài sẽ bao gồm ba (03) trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc Tổ*

*tụng Trọng tài của VIAC.*

13.3 Place of Arbitration shall be in Vietnam.

*Nơi phân xử trọng tài là tại Việt Nam.*

13.4 The language for arbitration is Vietnamese.

*Ngôn ngữ phân xử trọng tài là tiếng Việt.*

#### **Article 14: Amendment**

##### ***Điều 14: Sửa đổi***

All amendments or supplements to this Contract must be made in writing and signed by authorized representatives of the Parties.

*Mọi sửa đổi hoặc bổ sung đối với Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi các đại diện có thẩm quyền của các Bên.*

#### **Article 15. Notice**

##### ***Điều 15: Thông báo***

15.1 Any notice or communication given under this Contract shall be in a written form and shall be delivered in person, via email, facsimile transmission, or mailed by certified mail, addressed to the address, fax number as first written above or at such other address as informed by a Party from time to time.

*Bất kỳ thông báo hoặc thông tin liên lạc theo Hợp Đồng này phải được lập bằng văn bản và phải được gửi trực tiếp, bằng fax, thư điện tử, hoặc bằng thư bảo đảm, đến địa chỉ, số fax như được nêu ở trang đầu tiên của Hợp Đồng này hoặc gửi ở một địa chỉ khác theo thông báo của một Bên tùy từng thời điểm.*

15.2 All notices and communications made under this Contract shall be deemed to be received:

*Tất cả các thông báo và trao đổi theo Hợp Đồng này sẽ được coi là đã nhận được:*

- (a) at the sending time if they are delivered by mailman;  
*tại thời điểm gửi trong trường hợp thông báo được gửi trực tiếp;*
- (b) seven (07) Business Days after postmark in case of a registered airmail, postage prepaid;  
*bảy (07) Ngày Làm Việc sau ngày trên dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư bảo đảm, bưu phí trả trước;*
- (c) three (03) Business Days after dispatch in case of express delivery service, postage prepaid;  
*ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày gửi trong trường hợp gửi bằng chuyển phát nhanh, bưu phí trả trước;*
- (d) immediately on transmission in the case of a facsimile or an email (followed by registered airmail letter).  
*ngay khi chuyển thành công trong trường hợp gửi bằng fax hoặc email (sau đó*



*gửi bằng thư bảo đảm).*

#### **Article 16: Waiver**

##### **Điều 16: Sự khước từ**

The failure of either Party to exercise any provision in this Contract at any time will be the legal ground for the other Party's right to require for the full performance of the Contract later and the waiver of any Party to the breach of this Contract will not be taken or held to be a waiver of any further breach or as of the other Party.

*Việc một Bên, tại bất cứ thời điểm nào, không thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này sẽ là cơ sở pháp lý để Bên kia thực hiện quyền yêu cầu thực hiện Hợp Đồng sau đó, và sự khước từ thực hiện quyền này của bất kỳ Bên nào đối với vi phạm hợp đồng của Bên kia sẽ không được diễn giải như là khước từ thực hiện quyền này đối với sự vi phạm tiếp theo của Bên kia.*

#### **Article 17: Severability**

##### **Điều 17: Tính riêng biệt**

If any provision of this Contract can be determined to be void or unenforceable, the meaning of that provision will be interpreted, in proper extent, to be an enforceable term, and in case there is no acceptable interpretation found, that provision will be removed from the rest of the Contract and the remaining content of the Contract will remain its validity and enforceability unless such provision is fundamental and important having impact on the rights and interests of any Party. In that case, the Parties will endeavour to negotiate for a replacement of such provision which is effective, enforceable or most similar to the purpose of the Parties when entering into this Contract.

*Nếu bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này bị xem là vô hiệu hoặc không thể thực hiện được, thì nghĩa của điều khoản đó sẽ được giải thích, trong phạm vi có thể, để điều khoản đó sẽ như là một điều khoản có thể thực thi được. Nếu không có cách giải thích khả thi nào có thể giữ lại điều khoản này, điều khoản này sẽ bị loại bỏ khỏi Hợp Đồng, và phần còn lại của Hợp Đồng vẫn có đầy đủ hiệu lực và có giá trị thực thi trừ khi điều khoản bị loại bỏ đó là điều khoản căn bản và quan trọng ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của bất kỳ Bên nào. Trong trường hợp này, Các Bên sẽ thiện chí nỗ lực để thương lượng một điều khoản thay thế, có hiệu lực và có thể thực thi hoặc thỏa thuận tương tự nhất với mục đích của Các Bên khi tham gia ký kết Hợp Đồng này.*

#### **Article 18: Succession**

##### **Điều 18: Kế thừa**

This Contract will be binding and effective to any successor, inheritor and assignee of the Parties.

*Hợp Đồng này sẽ ràng buộc và có hiệu lực đối với những người kế vị, người thừa kế và người được chuyển nhượng của Các Bên.*

#### **Article 19: Entire Agreement**

##### **Điều 19: Thỏa thuận toàn bộ**

19.1 This Contract is to record all and any prior verbal or written discussions, presentations and agreements of the Parties regarding to the subject of this Contract as mentioned

above.

*Hợp Đồng này nhằm ghi nhận lại toàn bộ và bất cứ sự thảo luận, trình bày, thỏa thuận và cam kết bằng miệng hoặc bằng văn bản trước đó giữa Các Bên về đối tượng của Hợp Đồng này như nêu trên.*

19.2 Any amendment, supplementation or annexes of this Contract, including the agreements executed as from the date when the Parties executed the precontractual relationship as stipulated in Article 12.2 until the Effective Date hereof will form an integral part of this Contract, and they are interpreted, understood and applied in accordance with the contents of this Contract.

*Mọi sửa đổi, bổ sung hay Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này bao gồm cả các thỏa thuận được thực hiện kể từ ngày mà các Bên đã xác lập quan hệ tiền hợp đồng theo Điều 12.2 đến Ngày Hiệu Lực là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này, và được hiểu, giải thích và áp dụng một cách thống nhất với nội dung của Hợp Đồng này.*

**IN WITNESS WHEREOF**, the authorized representatives of the parties have executed this Agreement in two original copies in both English and Vietnamese with equal and immediate effect. Each party keeps one original copy in both English and Vietnamese for implementation and record. In the event of inconsistency between English version and Vietnamese version, the parties agree that the Vietnamese version shall prevail.

**ĐỂ LÀM BẰNG**, đại diện có thẩm quyền của Các Bên đã lập Thỏa Thuận này thành hai (02) bộ bản chính bằng tiếng Anh và tiếng Việt với hiệu lực tức thời và như nhau. Mỗi Bên lưu một bộ Thỏa Thuận bản chính bằng tiếng Anh và tiếng Việt để làm cơ sở thực hiện và lưu hồ sơ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, Các Bên đồng ý rằng bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

**FOR AND ON BEHALF OF  
NUPLEX RESINS (VIETNAM) PTY. LTD  
ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CÔNG TY TNHH  
NUPLEX RESINS (VIỆT NAM)**

**FOR AND ON BEHALF OF  
ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT**

Mr./Ông **Jason Triggs**  
Commercial Director/**Giám Đốc Kinh Doanh**

Mr./Mrs./Ông/Bà \_\_\_\_\_

**ANNEX 1  
PHỤ LỤC 1**

To sales contract No. \_\_\_\_\_ dated \_\_\_\_\_ between Nuplex Resins

(Vietnam) Pty. Ltd and [REDACTED]  
*Theo Hợp đồng mua bán số [REDACTED] ngày [REDACTED] tháng [REDACTED] năm [REDACTED] giữa Công ty TNHH*

*Nuplex Resins (Việt Nam) và*



<b>1. Goods/ Hàng Hóa</b>	
Name of Goods/ <i>Tên Hàng Hóa:</i>	[list down the name of products that customer would purchase]
Packing/ <i>Đóng gói:</i>	[list down the type of packaging that our products store in]
Manufacturer/ <i>Nhà sản xuất:</i>	[Indicate the manufacturer of the products to be sold to customer. In most cases, this is Nuplex Resins (Vietnam)]
Origin/ <i>Xuất xứ:</i>	[indicate which country the products are made. In most cases, this is Vietnam]
Product standard/ <i>Tiêu chuẩn chất lượng:</i>	[Check with Technical where necessary]
Quantity/ <i>Số lượng:</i>	[For a master contract, we do not need to put the actual quantity but we can put an estimation/forecast, eg: Escon 61364 50,000Kgs/year]
Warranty Period/ <i>Thời Hạn Bảo Hành</i>	[Check with Technical where necessary]
<b>2. Purchase Price/ Giá Mua</b>	
Unit price/ <i>Đơn giá:</i>	[for a master contract, if we can fix the selling price then put it in. Otherwise, depending on how we will offer them selling price then we can put accordingly. Eg.: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Selling price would be confirmed for each order,</li> <li>• Nuplex will notify the selling price each month]</li> <li>• Etc ....</li> </ul>
Total contract price/ <i>Tổng giá trị hợp đồng:</i>	_____ x __quantity__ = _____ _____ x __số lượng__ = _____
<b>3. Payment term/ Điều kiện thanh toán:</b>	Payment for the Goods shall be made by telegraphic transfer (TT) in advance within 02 (two) days after the execution of the Contract OR by telegraphic transfer within 02 (two) days upon receipt of the Goods. <i>Việc thanh toán Hàng Hóa sẽ được thực hiện bằng điện chuyển tiền trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày thực hiện Hợp Đồng HOẶC bằng điện chuyển tiền trong vòng 02 (hai) ngày khi nhận được Hàng Hóa.</i>
<b>4. Delivery &amp; Shipment/ Vận chuyển và giao ang:</b>	CIF (Incoterms 2010). The Goods shall be considered as delivered to the Buyer when it passes the ship's rail at the port of destination. <i>CIF (Incoterms 2010). Hàng Hóa sẽ được xem như được giao cho Bên Mua khi Hàng Hóa vượt qua lan can của tàu tại cảng đến.</i>

<p>Delivery documents/ <i>Chứng từ giao hàng</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Certificate of origin depend on Customer requirements (Form A, B, C,...). Form is issued by Trade Commercial office: 1 (one) original plus 3 (three) copies; <i>Giấy chứng nhận xuất tùy theo yêu cầu khách hàng (Mẫu A, B, C...). Mẫu được ban hành bởi phòng thương mại: 01 (một) bản gốc và 03 (ba) bản sao;</i></li> <li>• Seller's packing list: 3 (three) originals; <i>Phiếu đóng gói của Bên Bán: 03 (ba) bản gốc;</i></li> <li>• Seller's invoice: 3 (three) originals; <i>Hóa đơn của Bên Bán: 03 (ba) bản gốc;</i></li> <li>• Non-negotiable clean on board bill of lading: 3 (three) originals or surrender Bill: 3 (three) copies; and <i>Vận đơn đã bốc hàng lên tàu không lưu thông: 03 (ba) bản gốc Surrender Bill : 03 (ba) bản photo; và</i></li> <li>• Certificate of Quality: 1 (one) original. <i>Giấy chứng nhận chất lượng: 01 (một) bản gốc.</i></li> </ul>
<p>Port of loading/ <i>Cảng bốc hàng:</i></p>	<p>[indicate the port of loading. In most cases, this is "Ho Chi Minh – VietNam"]</p>
<p>Port of discharging/ <i>Cảng giao hàng:</i></p>	<p>[Phuong's comment: Indicate the port of discharging]</p>
<p>Expected date of shipment/ <i>Ngày dự định giao hàng:</i></p>	<p>[For master contract, we can say "Will be confirmed based on purchase order each time"]</p>
<p>Expected date of arrival/ <i>Ngày dự định hàng đến cảng:</i></p>	<p>[For master contract, we can say "Will be confirmed based on purchase order each time"]</p>

**FOR AND ON BEHALF OF  
NUPLEX RESINS (VIETNAM) PTY.  
LTD  
ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CÔNG TY  
TNHH NUPLEX RESINS (VIỆT NAM)**

**FOR AND ON BEHALF OF  
[REDACTED]  
ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT**

**Mr./Ông Jason Triggs**  
Commercial Director/*Giám Đốc Kinh Doanh*  
Date/Ngày: [REDACTED]

Mr./Mrs./Ông/Bà \_\_\_\_\_  
Date/Ngày: [REDACTED]